TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam

2. Bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trịnh Thị Huyền T**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; *Có mặt*.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Đình H**, sinh năm 1978. Nơi cư trú: đường Â, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị Huyền T trình bày: Bà và ông Trần Đình H tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND Phường C, Quận A, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 05/10/2013. Sau khi kết hôn khoảng bốn năm đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, cách nuôi dạy con, ông H đã

đánh bà trước mặt các con dẫn đến tình trạng vợ chồng không thể nói chuyện trao đổi được với nhau nữa. Bản thân bà đã tìm nhiều cách để khắc phục mâu thuẫn, cụ thể khoảng giữa năm 2018 bà đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng vì các con bà đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên trên thực tế sau khi rút đơn mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục và càng lúc càng nghiêm trọng. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, bà xác định không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Trịnh Quỳnh H, sinh ngày 04/3/2014 và Trần Trịnh Ngọc L, sinh ngày 20/02/2017 hiện đang ở với ông H, hiện nay ông H có hành vi cấm đoán không cho bà gặp và chăm sóc các con. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Ông H đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cho bà T ly hôn với ông H vì mục đích hôn nhân không đạt; giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Đình H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Trịnh Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông H hiện cư trú tại xã Lộc Nga, thành phố Bảo Lộc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử động viên bà T đoàn tụ, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn, không đồng ý tiếp tục cùng ông H chung sống vì không còn tình cảm với chồng và xác định cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được. Xét thấy qua xác minh thực tế tại chính quyền địa phương thì ông H và bà T đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Hơn nữa thời gian trước đây bà T cũng đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng đã rút đơn để hàn gắn tình cảm gia đình tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục. Do đó, thực trạng quan hệ hôn nhân của bà T và ông H đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4]. Ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Trần Trịnh Quỳnh H, sinh ngày 04/3/2014 và Trần Trịnh Ngọc L, sinh ngày 20/02/2017. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vẫn không đến Tòa làm việc, không thể hiện ý kiến đối với quan hệ hôn nhân cũng như về các con chung; Hội đồng xét xử xét thấy các cháu còn nhỏ, cháu H mới 05 tuổi, cháu L dưới 36 tháng tuổi và đều là các bé gái tâm sinh lý phù hợp sự chăm sóc của mẹ; ngoài ra bà T hiện là nhân viên kinh doanh của công ty cổ phần S có mức thu nhập ổn định trung bình 10.000.000 đồng/tháng và có nơi ở ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chấp nhận yêu cầu của bà T, giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, ông H buôn bán trà, cà phê có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, yêu cầu cấp dưỡng của bà T là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Bà T xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung không có nên không đề cập.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Trịnh Thị Huyền T và ông Trần Đình H.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Trần Trịnh Quỳnh H, sinh ngày 04/3/2014 và Trần Trịnh Ngọc L, sinh ngày 20/02/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0005516 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- UBND Phường C, Quận A, TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)
Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 9 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam

Bà Nguyễn Thị Văn

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà Trịnh Thị Huyền T và bị đơn ông Trần Đình H.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Biểu quyết: 3/3

Về yêu cầu của đương sự:

Ý kiến hội thẩm Nam: Thực trạng hôn nhân giữa bà T và ông H thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông H là có cơ sở.

Ý kiến hội thẩm Văn: Thống nhất ý kiến của hội thẩm Nam, ngoài ra bổ sung thêm ý kiến: Các con chung còn nhỏ, cháu Hương mới 05 tuổi, cháu Lan dưới 36 tháng tuổi và đều là các bé gái tâm sinh lý phù hợp sự chăm sóc của mẹ; ngoài ra bà T hiện là nhân viên kinh doanh của công ty cổ phần SanDals có mức thu nhập ổn định trung bình 10.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chấp nhận yêu cầu của bà T, giao hai con chung tên Trần Trịnh Quỳnh Hương, sinh ngày 04/3/2014 và Trần Trịnh Ngọc Lan, sinh ngày 20/02/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ý kiến thẩm phán Trúc: Thống nhất ý kiến của các Hội thẩm và bổ sung thêm ý kiến: Bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000đồng/tháng. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, ông H buôn bán cà phê có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, yêu cầu cấp dưỡng của bà T là phù hợp nên chấp nhận.

Biểu quyết: 3/3

Về án phí:

Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Biểu quyết: 3/3

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 9 năm 2019. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc